

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2026

Thực hiện Văn bản số 5511/BKHCN-CĐSQG ngày 10/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn xây dựng kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026; xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 3690/TTr-SKHCN ngày 19/12/2025, Văn bản số 3862/SKHCN-BCVT&CĐS ngày 27/12/2025¹, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2026, như sau:

Phần I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025

Trong năm 2025, tỉnh Quảng Ngãi đã hoàn thành tốt các mục tiêu theo Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chính phủ, kịp thời ban hành nhiều văn bản chỉ đạo chiến lược về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Hạ tầng số đạt bước tiến lớn với 100% cơ quan nhà nước kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng; 100% thôn, xã có sóng di động 3G, 4G và triển khai 532 trạm BTS 5G tại các khu kinh tế trọng điểm. Về nhân lực, phong trào “Bình dân học vụ số” đã thu hút hơn 1,1 triệu lượt người dân tham gia tập huấn kỹ năng số. Kho dữ liệu số của tỉnh hiện lưu trữ hơn 2 triệu hồ sơ và Cổng dữ liệu mở đã chia sẻ 256 bộ dữ liệu công khai.

Công tác an toàn thông tin được đảm bảo với 491 hệ thống được phê duyệt cấp độ và triển khai phần mềm phòng chống mã độc cho hơn 10.500 máy trạm. Trong xây dựng Chính quyền số, hệ thống quản lý văn bản đã cấp hơn 20.000 tài khoản, đạt tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến cấp tỉnh là 99,5%. Kinh tế số khởi sắc với 65,47% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số và 100% cơ sở giáo dục, y tế triển khai thanh toán không dùng tiền mặt. Tổng kinh phí thực hiện trong năm đạt 187,248 tỷ đồng. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế về nhân lực chuyên trách và tỷ lệ người dân có chứng thư chữ ký số còn thấp (10%).

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)

Phần II
NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2026

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát

¹ Về Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2026.

triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của chính phủ, thủ tướng chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

- Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng đề án chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương;

- Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XX về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 20/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XX về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Các văn bản của UBND tỉnh: Số 119/KH-UBND ngày 09/10/2020 thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; số 169/KH-UBND ngày 09/12/2021 về Phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; số 906/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 về Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025; số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU

ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 27/09/2025 triển khai Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu, giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tập trung nguồn lực để tăng tốc chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ngãi; hình thành dữ liệu thống nhất, vận hành thông minh; nâng cao năng suất, cải thiện chất lượng dịch vụ công; thúc đẩy kinh tế số, xã hội số; triển khai đầy đủ các yêu cầu cơ bản về đảm bảo an toàn thông tin theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Nâng cao năng lực thể chế hóa chính sách, nhiệm vụ, lãnh đạo chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về chuyển đổi số. Kiện toàn, phát triển nhân lực chuyển đổi số trong khu vực cơ quan hành chính nhà nước các cấp; triển khai các chương trình hợp tác đã ký kết cho mục tiêu huy động nguồn nhân lực, công nghệ; phát triển Mạng lưới chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng (Tổ CNSCĐ).

2. Mục tiêu cụ thể: Phân đầu đến hết năm 2026 hoàn thành các chỉ tiêu tại Phụ lục 2 kèm theo.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Phát huy vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu; phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, xuyên suốt giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là đối với các nhiệm vụ phối hợp có quy mô lớn, liên ngành.

- Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 (Ban Chỉ đạo) ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo năm 2026.

- Tăng cường ứng dụng dữ liệu số trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức theo chỉ đạo tạo Kết luận số 226-KL/TW ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ vướng mắc cho đơn vị, địa phương, cơ sở, tối thiểu 30% đơn vị cấp tỉnh và 20% đơn vị cấp xã.

2. Thể chế, chính sách số

- Xây dựng các văn bản, kế hoạch thực thi các chương trình, kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Xây dựng, sửa đổi, ban hành các văn bản pháp luật của ngành, lĩnh vực, địa

phương phù hợp chính quyền địa phương 2 cấp, thúc đẩy chuyển đổi số.

- Xây dựng, ban hành các văn bản, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực: khuyến khích, thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến đối với người dân, doanh nghiệp; Triển khai Đề án của Trung ương về chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

- Xây dựng, ban hành Quy chế quản lý dữ liệu tỉnh; Kiến trúc tổng thể số; Kế hoạch 5 năm về chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế số - xã hội số giai đoạn 2026-2030.

- Nghiên cứu ban hành chính sách hỗ trợ hoạt động Tổ CNSCĐ.

- Xây dựng, ban hành các quy chế, quy định về khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu đối với các HTTT, CSDL do sở, ngành, địa phương quản lý để tạo thuận lợi trong kết nối, chia sẻ dữ liệu.

- Ban hành danh mục ứng dụng, nền tảng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng; thúc đẩy triển khai các ứng dụng, nền tảng dùng chung trên mạng Truyền số liệu chuyên dùng.

3. Hạ tầng số

- Tiếp tục phủ sóng di động tại các cụm dân cư đã có điện lưới Quốc gia, còn lõm sóng; phát triển internet băng rộng cố định đến hộ gia đình; phủ sóng 5G tại các khu vực đông dân cư. Phát triển hạ tầng mạng Internet vạn vật (IoT) trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp².

- Duy trì, vận hành hạ tầng kỹ thuật liên tục, ổn định các trung tâm dữ liệu của tỉnh nhằm đáp ứng phục vụ chính quyền số. Triển khai xây dựng, nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi đạt chuẩn tối thiểu Tier 3³.

- Xây dựng, vận hành Trung tâm điều hành thông minh (IOC) cấp tỉnh, nghiên cứu triển khai IOC cấp xã; tiếp tục phát triển dữ liệu, làm giàu dữ liệu; Tăng cường kết nối, thực hiện phân tích, tạo lập dữ liệu mới, đảm bảo dữ liệu phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tập trung đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động chính quyền địa phương và Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã đáp ứng tiêu chuẩn, quy định. Đầu tư nâng cấp Công Bình dân học vụ số, ứng dụng AI nhằm đáp ứng nhu cầu học tập toàn dân.

- Hoàn thiện, bảo đảm trong quy hoạch tỉnh phải sẵn sàng cho phát triển hạ tầng số (ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển nhà trạm thu phát sóng di động, hạ tầng băng rộng, trung tâm dữ liệu ...).

- Thúc đẩy tích hợp các cảm biến IoT vào các cơ sở hạ tầng truyền thống như giao thông vận tải, năng lượng, đô thị thông minh, y tế và giáo dục, cơ sở hạ tầng công cộng.

² Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 11/11/2025.

³ Dự án đã được đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Quảng Ngãi, theo Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 22/8/2025.

4. Nhân lực số

- Duy trì, triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số nói chung, chính phủ số, kinh tế số, an toàn thông tin cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động.

- Triển khai các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu về kiến trúc; dữ liệu, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo; sử dụng dữ liệu hỗ trợ ra quyết định, xây dựng chính sách, công tác chỉ đạo điều hành của lãnh đạo các cấp; về ATTT; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ chuyên trách chuyển đổi số, cán bộ phụ trách an toàn thông tin,...

- Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật chuyên biệt và thường xuyên cho đội ngũ cán bộ cấp xã, phường, tập trung vào kỹ năng vận hành các nền tảng dùng chung và kỹ năng hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số.

- Thực hiện truyền thông chính sách, phổ biến thông tin về Chính phủ số, các nền tảng số, chính sách dữ liệu, AI, chuyển đổi số đến người dân, doanh nghiệp.

- Xây dựng chương trình và tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua Nền tảng Bình dân học vụ số, Tổ công nghệ số cộng đồng và các hoạt động xã hội hóa, ưu tiên triển khai tại nông thôn, vùng sâu vùng xa và với nhóm người cao tuổi.

5. Phát triển dữ liệu số

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phát triển dữ liệu số theo Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 04/4/2025 về thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 06/10/2025 triển khai Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện; Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 27/09/2025 triển khai Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu, giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 12/12/2025 về triển khai thực hiện Đề án xây dựng và quản lý hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đảm bảo kết nối, chia sẻ CSDL với Trung tâm điều hành thông minh tỉnh (IOC).

- Triển khai Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0) trên địa bàn tỉnh.

- Số hóa 100% hồ sơ giải quyết TTHC phát sinh trong hoạt động hằng ngày, thúc đẩy nâng cao tỷ lệ tái sử dụng kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt mức trung bình của cả nước. Triển khai Kho dữ liệu ngành Y tế; Xây dựng CSDL chuyên ngành thể thao;...

6. An toàn thông tin mạng

- Triển khai đầy đủ, kịp thời đối với các khuyến cáo, cảnh báo của Bộ Công an;

tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức về an toàn trên không gian mạng, tổ chức hoạt động đào tạo trực tuyến cho người dân, người lao động và đưa nội dung hướng dẫn về an toàn thông tin vào hoạt động của Tổ CNSCĐ.

- Tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng xử lý cho lực lượng cán bộ kỹ thuật tại cơ quan nhà nước; tổ chức hoạt động diễn tập đối với Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh, tham gia đầy đủ các hoạt động diễn tập thực chiến, tham gia đầy đủ các hoạt động trong mạng lưới an toàn thông tin do các cơ quan trong nước và quốc tế tổ chức để nâng cao kỹ năng thực chiến.

- Tổ chức hoạt động kiểm tra định kỳ, đột xuất về an toàn thông tin; tăng cường hoạt động của Đội Ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Quảng Ngãi.

- Triển khai công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng cho các các HTTT, CSDL (nhất là các CSDL quốc gia, các CSDL ngành) do địa phương quản lý, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp. Ưu tiên rà soát Hệ thống phòng chống mã độc tập trung để bảo đảm triển khai đồng bộ đến các xã, phường, đặc khu.

7. Chính quyền số

a) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Tiếp tục rà soát, tái cấu trúc quy trình, thành phần hồ sơ thủ tục hành chính.
- Ban hành các văn bản chỉ đạo để đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến.
- Rà soát, cập nhật hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, nâng cao chất lượng cung cấp DVC trực tuyến.
- Ban hành Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn về dịch vụ công trực tuyến cho cán bộ, công chức, viên chức để bảo đảm phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến.
- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng số sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho người dân.
- Triển khai các giải pháp để định danh và xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID.

- Thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử.

b) Quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số.

Triển khai hiệu quả Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030. Quyết định số 2618/QĐ-

BKHCN ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc về việc ban hành danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng; Văn bản số 1876/BKHCN-CĐSQG ngày 28/5/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xác định hạ tầng số, phần mềm, ứng dụng dùng chung (cấp trung ương, tỉnh xã) để tránh đầu tư trùng lặp, chồng chéo, lãng phí; Văn bản số 4577/BKHCN-CĐSQG ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn triển khai các nền tảng số dùng chung toàn quốc

Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động theo Công văn số 557/BKHCN-CĐSQG ngày 31/3/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn một số nguyên tắc chung đối với công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước sử dụng các mô hình ngôn ngữ lớn (chatbot AI) phục vụ công việc.

8. Kinh tế số và xã hội số

a) Triển khai các hoạt động phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực, trong đó tập trung thúc đẩy kinh tế số 5 nhóm ngành, lĩnh vực trọng tâm theo Kế hoạch 114/KH-UBND ngày 21/5/2025.

- Phát triển kinh tế số và xã hội số khu vực nông thôn theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 và hướng dẫn của Bộ NN&PTNT tại Công văn số 3445/BNN-VPĐP ngày 29/5/2023 về triển khai xây dựng mô hình thí điểm xã Nông thôn mới thông minh, xã thương mại điện tử.

- Triển khai mô hình điểm về Nông thôn mới thông minh. Phân đầu đến hết năm 2026, có ít nhất 01 mô hình xã nông thôn mới thông minh theo lĩnh vực nổi trội nhất (kinh tế, du lịch nông thôn, môi trường, văn hóa...) theo chỉ tiêu tại Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Triển khai các hoạt động thúc đẩy phát triển xã hội số

- Thúc đẩy triển khai hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh về cơ quan thuế.

- Hướng dẫn cách thức đăng ký, sử dụng chữ ký số, kiểm tra chữ ký số nhằm thúc đẩy người dân thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường mạng, tiến tới tăng cường trong cả các giao dịch điện tử khác như tài chính, thương mại điện tử.

- Tiếp tục triển khai trường học số, ưu tiên trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; công tác giảng dạy và học tập; ứng dụng hồ sơ học bạ điện tử; thanh toán không dùng tiền mặt.

- Tiếp tục triển khai bệnh viện số, ưu tiên phục vụ công tác quản lý hành chính tại bệnh viện; hỗ trợ công tác khám, chữa bệnh tại chỗ và từ xa; triển khai và sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng bệnh án giấy; thanh toán viện phí không

dùng tiền mặt.

- Nâng cao nhận thức, kỹ năng và mức độ tham gia của người dân vào xã hội số; Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong đời sống, học tập, lao động, quản lý xã hội.

- Phát triển các mô hình xã hội số tiêu biểu: Tổ công nghệ số cộng đồng; Khu dân cư số; Chợ số – tiểu thương số...

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

Đẩy mạnh truyền thông về Chuyển đổi số; tiếp tục tổ chức hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia bằng phương thức mới, cách làm mới; thực hiện truyền thông chuyển đổi số trên môi trường đa nền tảng, huy động nguồn lực truyền thông xã hội trong truyền thông chuyển đổi số; đẩy mạnh hoạt động của Mạng lưới chuyển đổi số, Mạng lưới tư vấn viên chuyển đổi số và đặc biệt, lấy hoạt động của Tổ CNS CĐ là hạt nhân, nòng cốt trong truyền thông và nâng cao kỹ năng số, kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin trong cộng đồng.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch hoạt động BCD về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06 tỉnh; kế hoạch hoạt động triển khai nội dung trọng tâm năm 2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; tổ chức phiên họp định kỳ để chỉ đạo, đánh giá kết quả triển khai, giải quyết các vướng mắc, vấn đề cần tập trung chỉ đạo, tháo gỡ.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá chỉ đạo đối với nhiệm vụ giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương; thực hiện đánh giá chuyển đổi số (DTI) sử dụng kết quả trong đánh giá hằng năm về trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho CBCC, người dân, doanh nghiệp

Xây dựng các nội dung, chương trình truyền thông, đào tạo, bồi dưỡng đa dạng, phong phú, phù hợp từng đối tượng với thời lượng, hình thức phù hợp, hiệu quả, thực chất.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Thực hiện biện pháp, chính sách thu hút nhân lực; bồi dưỡng, phát triển nhân lực tại chỗ bằng các chính sách đãi ngộ trong tuyển dụng, chuyển ngạch nâng ngạch, nâng lương trước thời hạn, khen thưởng năm và khen thưởng chuyên đề.

- Hợp tác với các cơ quan, tổ chức liên quan, doanh nghiệp công nghệ để thu hút chuyên gia, nguồn lực, tìm hiểu giải pháp, công nghệ phục vụ chuyển đổi số, phát triển các ngành, lĩnh vực đang có xu hướng phát triển như dữ liệu, bán dẫn

cho mục tiêu tăng tốc về kinh tế số.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Triển khai thực hiện Thỏa thuận hợp tác chiến lược về Chuyển đổi số với các cơ quan, tổ chức liên quan; nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai chuyển đổi số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối,... và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ Chuyển đổi số.

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

- Thực hiện mục tiêu đảm bảo tỷ lệ chi hàng năm cho chuyển đổi số **là tối thiểu 1%** tổng chi ngân sách cấp tỉnh, cấp xã theo Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh.

- Bố trí, sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước, lồng ghép sử dụng các nguồn hợp pháp khác cho chuyển đổi số như nguồn vốn từ Chương trình MTQG; bố trí đầu tư các hạng mục về hạ tầng, có tính chất hạ tầng về Chuyển đổi số tại các dự án đầu tư xây dựng; thực hiện kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn đảm bảo theo quy định, quy trình quản lý, sử dụng hiệu quả.

6. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước; tăng cường hiện diện trên môi trường số một cách đảm bảo an ninh, an toàn nhằm chia sẻ kinh nghiệm, các sáng kiến; đồng thời quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ Chính quyền số, sản phẩm, dịch vụ kinh tế và kinh tế số tỉnh Quảng Ngãi.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu

- Căn cứ nội dung của Kế hoạch này, xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

- Tiếp tục thực hiện đạt kết quả các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ, giải pháp theo Kế hoạch số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Tập trung nguồn lực triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu năm 2026 theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trong đó tập trung việc mở rộng mạng 5G, phát triển IPv6 và vận hành Trung tâm Dữ liệu; đẩy mạnh xây dựng Chính quyền số, hướng tới đơn giản hóa thủ tục hành chính, đạt 100% dịch vụ công trực tuyến và triển khai hiệu quả Đề án 06 về dữ liệu dân cư.

- Các ngành, lĩnh vực y tế, nông nghiệp, giáo dục, môi trường, giao thông, logistics, du lịch, đô thị,... ưu tiên tập trung số hóa mạnh mẽ, cùng với việc chú trọng phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao và phổ cập kỹ năng số cho người dân.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Tiếp tục theo dõi, đôn đốc các nhiệm vụ về Chuyển đổi số theo yêu cầu của Ban chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Trên cơ sở các mục tiêu, nội dung nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện; đảm bảo việc tổ chức thực hiện được kiểm tra chặt chẽ, đạt hiệu quả; tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện theo quy định.

- Tăng cường công tác tham mưu về hoạt động của Ban chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06. Hướng dẫn hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng.

- Ưu tiên kinh phí triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số có liên quan đến nội dung triển khai Kế hoạch này.

3. Công an tỉnh

- Tiếp tục tổ chức làm sạch, cập nhật đầy đủ, chính xác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; triển khai cấp phiếu lý lịch tư pháp trên các hệ thống thông tin, ứng dụng định danh điện tử (VNeID) theo hướng dẫn của Bộ Công an.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương thực hiện Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 06/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0).

4. Văn phòng UBND tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các ngành, địa phương thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cải cách chế độ báo cáo trong các cơ quan hành chính nhà nước.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương thực hiện kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 27/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu, giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi, đôn đốc các cơ quan thực hiện theo kế hoạch này.

5. Sở Nội vụ

- Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ trong việc xây dựng, triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng dụng CNTT của cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với nhu cầu triển khai Kế hoạch.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện các giải pháp kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với các chương trình, kế hoạch cải cách

hành chính của tỉnh.

6. Sở Tư pháp: tiếp tục triển khai số hóa, quản lý, khai thác dữ liệu hộ tịch, cập nhật dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

7. Sở Y tế

- Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng, triển khai bệnh án điện tử tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế; đảm bảo việc tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

- Triển khai thiết lập hồ sơ sức khỏe điện tử của tỉnh, đảm bảo hoàn thành, kết nối liên thông với kho dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử của Bộ Y tế, phục vụ công tác quản lý, cung cấp dịch vụ công lĩnh vực y tế trên các hệ thống thông tin, ứng dụng định danh điện tử (VNeID), góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

- Tăng cường công tác tuyên truyền người dân tích hợp BHYT, sử dụng Sổ sức khỏe điện tử; liên thông giấy chuyển tuyến, hẹn khám lại trên VNeID.

8. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Duy trì hoạt động Hệ thống thông tin đất đai tỉnh Quảng Ngãi, đảm bảo vận hành cơ sở dữ liệu đất đai được thông suốt, phục vụ giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức và công dân được liên tục, an toàn.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương hoàn thành đồng bộ cơ sở dữ liệu đất đai, hệ thống thông tin đất đai trên phạm vi toàn tỉnh, kết nối, tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo yêu cầu của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Tiếp tục triển khai hoàn thành việc số hóa hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc lĩnh vực đất đai tại Văn phòng đăng ký đất đai và các chi nhánh thuộc Văn phòng đăng ký đất đai, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Đẩy mạnh chuyển đổi số trên lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch. Rà soát tập trung đầu tư hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng CNTT-VT của các địa phương trên địa bàn tỉnh.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo: Duy trì triển khai, phát huy hiệu quả các nền tảng số, dữ liệu số ngành giáo dục theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

11. Sở Tài chính

- Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch phù hợp khả năng cân đối ngân sách theo quy định của Luật NSNN và các quy định hiện hành.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh bố

trí nguồn chi đầu tư phát triển cho các nhiệm vụ, dự án theo quy định.

12. Sở Ngoại vụ: Làm đầu mối, chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai các nội dung hợp tác quốc tế về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

13. Liên hiệp hội khoa học và kỹ thuật tỉnh, Hiệp Hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ tỉnh: Làm đầu mối phối hợp triển khai các ứng dụng các nền tảng, giải pháp công nghệ hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ chuyển đổi số góp phần phát triển kinh tế số.

14. Các doanh nghiệp viễn thông và công nghệ số: Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các địa phương, đơn vị đề xuất thí điểm các giải pháp, công nghệ mới, mô hình mới, nền tảng ứng dụng trong chuyển đổi số; đồng thời, tham gia hỗ trợ doanh nghiệp, người dân và khách hàng trong chuyển đổi số, ứng dụng các nền tảng số, đảm bảo an toàn trên không gian số.

15. Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi; Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi: Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về các nội dung và kết quả triển khai Kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Trường Chính trị tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VPUB: CVP, PCVP, phòng, ban, đơn vị;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{TPC}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Phước Hiền

Phụ lục 1
Đánh giá kết quả thực hiện năm 2025
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NĂM 2025

Tỉnh Quảng Ngãi đã hoàn thành tốt nhiệm vụ tại Nghị quyết số 57- NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ; Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương và các nhiệm vụ theo Kế hoạch hoạt động Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025, cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện năm 2025	Đánh giá
1	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt tỷ lệ 95% thủ tục hành chính có đủ điều kiện	Văn phòng UBND tỉnh	44,91% toàn trình; 97,22% TTHC cấp xã có DVCTT	Chưa đạt
2	Hồ sơ trực tuyến toàn trình của các dịch vụ công trực tuyến đạt tỷ lệ trung bình tối thiểu 60%	Văn phòng UBND tỉnh	75,15%	Đạt
3	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%.	Sở Khoa học và Công nghệ	100% tích hợp, xác thực thông suốt	Đạt
4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.	Văn phòng UBND tỉnh	83,28%	Chưa đạt
5	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 90%.	Văn phòng UBND tỉnh	95,32%	Đạt
6	Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh kết nối với Hệ thống thông tin cáo cáo Chính phủ	Văn phòng UBND tỉnh	Đã hợp nhất, kết nối từ 01/7/2025	Đạt
7	100% nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; của UBND tỉnh giao được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số	Văn phòng UBND tỉnh	100% nhiệm vụ theo dõi trên HT số	Đạt
8	100% các thông tin, dữ liệu của địa phương được tích hợp, kết nối, chia sẻ với các hệ thống thông tin của Chính phủ, Trung ương Đảng, Quốc hội.	Sở Khoa học và Công nghệ	LGSP kết nối >20 CSDL quốc gia	Đạt
9	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà	Văn phòng UBND tỉnh	Tỉnh 99,5%; Xã >98%	Đạt

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện năm 2025	Đánh giá
	nước) tại cấp tỉnh đạt 100%; cấp xã đạt 80%.			
10	Tỷ trọng kinh tế số trên GRDP đạt tối thiểu 20%.	Sở Khoa học và Công nghệ	Ước 10% ⁴	Chưa đạt
11	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại đạt trên 80%	Sở Công Thương	90% đơn vị cung cấp dịch vụ thiết yếu	Đạt
12	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.	Sở Tài chính	65,47% DN sử dụng	Đạt
13	100% cửa hàng bán lẻ xăng dầu; 100% trung tâm thương mại; 50% cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng trên địa bàn tỉnh triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền để chống thất thu thuế, thất thu ngân sách.	Thuế tỉnh Quảng Ngãi	Triển khai diện rộng	Đạt
14	Tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử đạt trên 50%.	Sở Khoa học và Công nghệ	10%	Chưa đạt
15	Trung tâm dữ liệu tỉnh đảm bảo hạ tầng phục vụ các cơ sở dữ liệu cấp tỉnh, cơ sở dữ liệu dùng chung khác theo quy định của pháp luật	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng UBND tỉnh	Vận hành ổn định, đa nền tảng	Đạt
16	Hạ tầng Internet vạn vật (IoT) độ trễ thấp sẵn sàng tại tất cả các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; các trường cao đẳng, đại học; các điểm quan trắc trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	532 trạm BTS 5G, IOC vận hành	Đạt
17	20% cụm dân cư đang lờm sóng và đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng băng rộng di động; 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet cáp quang băng rộng.	Sở Khoa học và Công nghệ	42,9% cụm dân cư đang lờm sóng và đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng băng rộng di động (giảm 30 điểm) 69,13% hộ dùng cáp quang	Đạt
18	Tỷ lệ hồ sơ tư liệu các di sản văn hóa Việt Nam đã được ghi danh, công nhận và xếp hạng được số	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đã triển khai số hóa	Đạt

⁴ Số liệu do Cục Thống kê, Bộ Tài chính đánh giá hàng năm

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Kết quả thực hiện năm 2025	Đánh giá
	hóa, hiện diện trên môi trường số đạt tỷ lệ 100%.			
19	Tỷ lệ triển khai học bạ số đối với học sinh và bảng điểm số đối với sinh viên đạt 100%.	Các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh	Triển khai toàn tỉnh	Đạt
20	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên toàn tỉnh triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 70%.	Sở Giáo dục và Đào tạo	94%	Đạt
21	Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ hồ sơ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100%.	Sở Y tế	36/36 cơ sở KCB hoàn thành	Đạt
22	Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đạt 100%, tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước đạt 100%	Công an tỉnh	491 HTTT được phê duyệt	Đạt
23	Tỷ lệ các cơ quan cấp tỉnh, UBND cấp xã triển khai giải pháp sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp khi gặp sự cố, đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ đạt 100%.	Cơ quan cấp tỉnh, UBND cấp Xã	Triển khai đầy đủ phương án	Đạt

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2025

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số tại địa phương

Năm 2025, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã kịp thời ban hành các quyết định, kế hoạch, văn bản chỉ đạo để triển khai và thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh: (1) Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; (2) Kế hoạch số 05-KH/TU ngày 20/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; (3) Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ

sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; (4) Quyết định 516/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND tỉnh về Thành lập Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06...

2. Về công tác hoàn thiện thể chế số

a) Công tác xây dựng, ban hành các chương trình/đề án/kế hoạch, chính sách để thúc đẩy chuyển đổi số: UBND tỉnh⁵ và các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành Kế hoạch chuyển đổi số, truyền thông, hưởng ứng Tuần lễ Chuyển đổi số và Ngày Chuyển đổi số quốc gia. Thường xuyên rà soát quy trình, thủ tục hành chính, chuẩn hóa mẫu biểu, quy trình để thiết lập trên hệ thống phục vụ người dân, doanh nghiệp nhanh chóng, thuận tiện.

b) Công tác tổ chức triển khai thực hiện

- UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo triển khai chuyển đổi số; giao nhiệm vụ có thời hạn và theo dõi trên Hệ thống để đánh giá tiến độ, mức độ hoàn thành; kiểm tra, trực tiếp kết hợp gián tiếp, kiểm tra chuyên đề về an toàn an ninh mạng, cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số; kiểm tra chuyên đề về chuyển đổi số và Đề án 06.

- Các đơn vị, địa phương phân công lãnh đạo phụ trách về chuyển đổi số; ban hành văn bản triển khai, giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc; giao ban định kỳ hằng quý, thực hiện chế độ thông tin báo cáo hằng tháng, quý.

3. Hạ tầng số

- Tỉnh Quảng Ngãi hiện đã triển khai đảm bảo kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) đến 100% các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh, bảo đảm kết nối thông suốt, an toàn và ổn định phục vụ hoạt động điều hành, trao đổi dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trên toàn tỉnh.

- Mạng di động có 100% thôn, làng có sóng di động 3G, 4G và Internet. Mạng 5G đã triển khai 532 trạm BTS 5G, phủ sóng đến 100% (96/96) xã, phường và đặc khu, bao gồm

⁵ Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 10/9/2025 về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025; Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 27/6/2025 của Ban Chỉ đạo về đẩy mạnh, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số"; Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 09/8/2025 về thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phát triển và chuyển đổi sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây giai đoạn 2025 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 10/09/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện CSDL đất đai đã được xây dựng "đúng - đủ - sạch - sống"; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 04/4/2025 về thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 03/4/2025 về triển khai thực hiện Đề án "Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao chất lượng về cung cấp và sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến năm 2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 17/4/2025 về truyền thông về cải cách hành chính và chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025; Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 11/6/2025 về triển khai các nhiệm vụ liên quan đến hệ thống thông tin dùng chung trọng điểm tỉnh Quảng Ngãi khi thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 25/8/2025 về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 18/9/2025 về hành động nâng cao chất lượng cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến đoạn 2025 - 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 10/10/2025 về triển khai thực hiện Chương trình "Đẩy mạnh truyền thông thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch số 52/KH-BCĐ ngày 29/10/2025 của về hoạt động Quý IV năm 2025; Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 về việc ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 608/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 về ban hành mã định danh điện tử các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;...

các khu vực kinh tế, công nghiệp, du lịch trọng điểm và khu vực biên đảo (*Khu kinh tế Dung Quất; Hòa Phát; KCN VSIP; Khu du lịch Măng Đen, Lý Sơn*). Quảng Ngãi có 69,13% hộ gia đình sử dụng cáp quang; tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 83%. Còn 10/96 xã, phường, đặc khu còn điểm lờm sóng trong thôn; tổng số điểm lờm sóng là 40 điểm (*các điểm này hầu hết thuộc các thôn đặc biệt khó khăn dân cư thưa thớt*).

- Hạ tầng lưu trữ: Trung tâm dữ liệu tỉnh đang vận hành Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) và 29 nền tảng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành của tỉnh, phục vụ hiệu quả cho công tác chỉ đạo, điều hành, cũng như kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các sở, ngành, địa phương. Trung tâm dữ liệu tỉnh được triển khai theo mô hình đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác trực tiếp, đáp ứng yêu cầu lưu trữ, dự phòng, bảo mật thông tin và đảm bảo tính sẵn sàng cao của các dịch vụ số.

- Hạ tầng IoT và điều hành thông minh: Tỉnh Quảng Ngãi đã triển khai vận hành thử nghiệm Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC)⁶ nhằm phục vụ công tác giám sát, điều hành và phân tích dữ liệu các lĩnh vực kinh tế - xã hội của tỉnh theo thời gian thực. Hệ thống đang tích hợp, khai thác dữ liệu từ nhiều phân hệ như: Kinh tế - xã hội; Dịch vụ công; Y tế; Giáo dục; Quản lý văn bản điều hành; An toàn thông tin; Du lịch; Quản lý tàu cá; Giám sát camera.

- Tỉnh đã đầu tư, khai thác nhiều nền tảng, cơ sở dữ liệu (CSDL) và hệ thống thông tin (HTTT); tiếp tục triển khai hoàn thiện, “làm giàu dữ liệu” đối với các HTTT, nền tảng số như: Quản trị tổng thể; Phân tích tổng hợp KT-XH; Kho dữ liệu lưu trữ điện tử; Cổng dữ liệu mở, App Công chức và App Công dân...

4. Về công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

- Phong trào Bình dân học vụ số: (1) Tổ chức Lễ Phát động Phong trào “Bình dân học vụ số” và tập huấn Kỹ năng ứng dụng AI trong xử lý công việc cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, đốc thúc tiếp tục đẩy mạnh triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh; (2) Hướng dẫn các địa phương tổ chức triển khai đồng bộ phong trào “Bình dân học vụ số”, “Ngày hội toàn dân học tập số” và “Ngày chuyển đổi số quốc gia”; (3) Triển khai lớp tập huấn trên nền tảng trực tuyến tại Cổng Bình dân học vụ số tỉnh Quảng Ngãi. Thống kê số liệu đến hiện tại: hơn 200.000 người dân đã được tham gia các lớp tập huấn về kỹ năng số nâng tổng số lượt người dân trên địa bàn tỉnh đã tham gia ít nhất 01 lớp tập huấn về kỹ năng số với hơn 1.157.600 lượt người.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kỹ năng số cho CBCCVN xã, phường, đặc khu: (1) Tập huấn kỹ năng sử dụng trí tuệ nhân tạo cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan nhà nước tại Lễ phát động Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh; (2) Tập huấn hướng dẫn quản lý, sử dụng chữ ký số chuyên dùng công vụ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi cho cán bộ, công chức, viên chức là đầu mối triển khai ứng dụng chữ ký số tại UBND các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh; (3) Tập huấn cho các đối tượng quản lý, vận hành, khai thác điểm hỗ trợ đồng bào

⁶ Hiện nay, Trung tâm IOC đang trong giai đoạn vận hành thử nghiệm, do Trung tâm Chuyển đổi số và Đổi mới sáng tạo (đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi) trực tiếp quản lý, vận hành.

dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin: Lớp 1 tại khu vực phía Tây Quảng Ngãi, lớp 2 tại khu vực Đông Quảng Ngãi.

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên hỗ trợ, giữ mối liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã để hỗ trợ nghiệp vụ; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh phân công cụ thể công chức, viên chức làm đầu mối hỗ trợ trực tiếp chuyên môn cho 96 Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, tham mưu tổ chức 02 hội nghị tập huấn về công tác tổ chức, vận hành Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã, nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông cho gần 800 cán bộ, công chức của 96 xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và một số sở chuyên môn đã thiết lập các kênh phối hợp, trao đổi thông tin thường xuyên với địa phương, nhằm kịp thời hỗ trợ nghiệp vụ và xử lý linh hoạt các tình huống phát sinh hàng ngày, góp phần bảo đảm hoạt động tiếp nhận và giải quyết TTHC tại cấp xã được triển khai đồng bộ, thông suốt, hiệu quả.

- Năm 2025: Sở Nội vụ đã ban hành các Chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số năm 2025 dành cho đối tượng CBCCVC đã có hơn 340 cán bộ được tham gia các lớp về kỹ năng số, kỹ năng AI.

- Toàn tỉnh đã đạt được bước tiến quan trọng trong việc xây dựng nền tảng hỗ trợ chuyển đổi số tại cơ sở. 100% các xã, phường, đặc khu đã thành lập 1.477 Tổ Công nghệ số cộng đồng với tổng số hơn 12.198 thành viên. Các Tổ này đóng vai trò nòng cốt, tiên phong trong việc hỗ trợ trực tiếp người dân tiếp cận, làm quen và sử dụng các dịch vụ số, góp phần rút ngắn khoảng cách số và nâng cao nhận thức cộng đồng.

5. Dữ liệu số

- Danh mục, hiện trạng vận hành, khai thác sử dụng các cơ sở dữ liệu các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương: các cơ sở dữ liệu các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương đã được đưa vào khai thác, phục vụ quản lý. Cụ thể: Đến đầu tháng 11/2025, Cơ sở dữ liệu và Hệ thống thông tin phục vụ hoạt động chuyên ngành của cơ quan nhà nước đã cung cấp 143.021 dòng dữ liệu. Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tại cơ quan nhà nước các cấp và Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh đã lưu trữ tổng cộng 4.106 hồ sơ, với 46.141 tài liệu, dung lượng ~ 182 GB. Kho dữ liệu số tỉnh Quảng Ngãi lưu trữ tổng cộng 2985 TTHC với 2.032.573 hồ sơ, dung lượng ~ 1.280 GB; Lưu CDSL các hệ thống dùng chung tỉnh Quảng Ngãi phục vụ sáp nhập các hệ thống thông tin: 5.0TB.

- Danh mục dữ liệu mở của bộ, ngành, địa phương được chia sẻ công khai trên Cổng dữ liệu mở tỉnh Quảng Ngãi⁷ với tổng số lượng bộ dữ liệu được chia sẻ đến đầu tháng 12/2025 là: 256 bộ dữ liệu.

- *Các Cơ sở dữ liệu trọng yếu*: toàn tỉnh đã đầu tư, khai thác hơn 60 ứng dụng, CSDL, hệ thống thông tin (HTTT); trong đó, có 20 hệ thống được kết nối, khai thác dữ liệu quốc gia, CSDL Bộ ngành. Triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia tại địa phương: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã thực hiện kết nối, tích hợp dữ liệu với các Cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin do Trung ương và các bộ, ngành triển khai như: Cổng Dịch vụ công quốc gia (*Văn phòng Chính phủ*); Cơ sở dữ liệu đất đai VBDLIS (*Bộ Tài nguyên và Môi*

⁷ <https://opendata.quangngai.gov.vn>.

trường); Hệ thống cấp mã số ngân sách (*Bộ Tài chính*); Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm (*Bảo hiểm xã hội*); Các cơ sở dữ liệu về Lý lịch Tư pháp và Hộ tịch (*Bộ Tư pháp*); Hệ thống Đăng ký doanh nghiệp (*Bộ Kế hoạch và Đầu tư*); Hệ thống VNPOST (*Bưu điện Việt Nam*); CSDL Quốc gia về Dân cư và Dịch vụ công liên thông (*Bộ Công an*); Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến (*Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*);... để tiếp nhận, giải quyết các TTHC, đồng thời khai thác dữ liệu có sẵn trong các hệ thống của các bộ ngành nhằm hạn chế việc khai báo, cung cấp lại các thông tin.

- Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ hồ sơ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100% Sở Y tế chỉ đạo các đơn vị triển khai tiếp nhận KCB BHYT bằng Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID; thành lập Tổ hướng dẫn hỗ trợ người dân, người bệnh tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID. Đã hoàn thành việc đẩy dữ liệu KCB theo Quyết định 4750/QĐ-BYT ngày 29/12/2023 của Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 130/QĐ-BYT ngày 18/01/2023 của Bộ Y tế về quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra phục vụ việc quản lý, giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và giải quyết các chế độ liên quan và Quyết định số 3176/QĐ-BYT ngày 29/10/2024. Đến nay, toàn tỉnh Quảng Ngãi kết nối liên thông dữ liệu lên Cổng tiếp nhận dữ liệu giám định BHYT và tích hợp trên ứng dụng VNeID; đảm bảo ký số XML dữ liệu KCB phục vụ giấy chuyển tuyến, giấy hẹn khám lại. Triển khai bệnh án điện tử tại tất cả các bệnh viện, trung tâm y tế công lập trên địa bàn tỉnh (*thực hiện Thông báo số 56/TB-VPCP ngày 23/02/2025; Công văn số 1386/UBND-KGVX ngày 17/3/2025*) Đến 30/9/2025, 36/36 cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành công bố bệnh án điện tử, là cơ sở để triển khai bệnh án điện tử chuyên sâu hơn hướng đến bệnh viện thông minh, bệnh viện không giấy tờ.

- Hệ thống thông tin đất đai VBDLIS trên toàn tỉnh, hoàn thành việc kết nối, liên thông giữa hệ thống thông tin đất đai VBDLIS với hệ thống thông tin giải quyết TTHC từ ngày 18/8/2025, kết nối với cơ quan thuế bằng hình thức điện tử trên toàn địa bàn tỉnh Quảng Ngãi từ ngày 08/8/2025; Hoàn thành việc tải dữ liệu và đồng bộ CSDL theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp lên CSDL quốc gia về đất đai tại Trung ương, đến nay trên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia đất đai, cơ sở dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi đang ở trạng thái chờ đồng bộ dữ liệu.

6. An toàn thông tin mạng

- Công tác tham mưu, chỉ đạo triển khai: UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo về công tác điều chuyển, sắp xếp chức năng, nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng từ Sở Thông tin và Truyền thông (cũ) về Công an tỉnh; chủ động phòng ngừa, xử lý các hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, bảo đảm an toàn, an ninh mạng cho hệ thống thông tin của các cơ quan Đảng, Nhà nước, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Các cơ quan chức năng đã ban hành nhiều văn bản trao đổi, cảnh báo, hướng dẫn cho các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng, tình hình mã độc; cảnh báo lỗ hổng bảo mật nguy cơ cao, nghiêm trọng trong sản phẩm Microsoft; tổ chức hoạt động 07 hệ thống thông tin dùng chung trọng điểm của tỉnh⁸ hoạt động thông suốt, liên tục kết nối

⁸ Gồm: ⁽¹⁾ Hệ thống Email công vụ tỉnh Quảng Ngãi; ⁽²⁾ Nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Quảng Ngãi; ⁽³⁾ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi; ⁽⁴⁾ Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Quảng Ngãi; ⁽⁵⁾ Hệ thống

từ UBND tỉnh đến các sở, ban, ngành và UBND cấp xã đảm bảo công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo UBND tỉnh, vận hành tại cơ quan nhà nước và phục vụ Nhân dân trên địa bàn tỉnh, đồng thời triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng các hệ thống thông tin trong quá trình sáp nhập tỉnh và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh.

- Hoạt động Tiểu ban An toàn, an ninh mạng tỉnh Quảng Ngãi, Đội Ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Quảng Ngãi: Tiếp tục được kiện toàn, phát huy vai trò tham mưu, triển khai công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng; điều phối hoạt động ứng cứu an toàn thông tin cho **215** thành viên của Đội Ứng cứu là cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm an toàn thông tin, an ninh mạng tại các cơ quan Đảng, Nhà nước, doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh.

- *Công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng các hệ thống thông tin của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh*: Tổ chức quản trị, vận hành **08** hệ thống⁹ giám sát, báo cáo an toàn, an ninh mạng hoạt động hiệu quả, giám sát 24/7 các hệ thống thông tin của các cơ quan Đảng, Nhà nước trên địa bàn tỉnh (*triển khai phần mềm phòng, chống mã độc tập trung cho 10.573 máy trạm*); tổ chức các đợt rà quét lỗ hổng bảo mật, phát hiện nguy cơ mất an toàn an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin, Cổng/Trang TTĐT của các cơ quan Đảng, Nhà nước và cảnh báo, hướng dẫn, kiến nghị xử lý, khắc phục 100% vụ việc, nguy cơ mất an ninh, an toàn hệ thống mạng xảy ra trên địa bàn tỉnh.

- Công tác phê duyệt, thẩm định Hồ sơ cấp độ an toàn thông tin và phương án ứng cứu sự cố an toàn thông tin theo cấp độ: Tổ chức, triển khai thực hiện Công văn số 943/CAT-ANM ngày 02/8/2025 Giám đốc Công an tỉnh về hướng dẫn, đôn đốc¹⁰ các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh xây dựng và trình thẩm định Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin, phương án ứng cứu sự cố an toàn thông tin theo cấp độ. Hiện đã phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin với 491 hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ (*383 hệ thống thông tin cấp độ 1; 99 hệ thống thông tin cấp độ 2; 09 hệ thống thông tin cấp độ 3*).

- Các hệ thống thông tin tại Trung tâm dữ liệu tỉnh được cấu hình với 03 lớp tường lửa, bao gồm Firewall vùng DMZ, Firewall vùng Server và Web Application Firewall (WAF). Cơ chế này nhằm mục đích xây dựng một lá chắn đa tầng, ngăn chặn hiệu quả các mối nguy cơ về an toàn thông tin, đặc biệt là những cuộc tấn công mạng có chủ đích, đồng thời đảm bảo tính toàn vẹn và ổn định của hệ thống.

Quản lý văn bản và điều hành dùng chung trong các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; ⁶⁾ Cổng/trang thông tin điện tử thành phần của các đơn vị, địa phương; ⁷⁾ Hệ thống Hội nghị truyền hình tỉnh.

⁹ Gồm: ⁽¹⁾ 02 Hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung tỉnh (SOC Viettel của Quảng Ngãi; SOC VNPT của Kon Tum); ⁽²⁾ Hệ thống phòng, chống mã độc tập trung tỉnh (phần mềm BKA V Endpoint của Quảng Ngãi; phần mềm EDP Viettel của Kon Tum); ⁽³⁾ Hệ thống giám sát tường lửa tập trung; ⁽⁴⁾ Nền tảng quản lý đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ; ⁽⁵⁾ Nền tảng điều phối ứng cứu sự cố; ⁽⁶⁾ Hệ thống thông tin báo cáo bộ, ngành, địa phương do UBND tỉnh triển khai, thực hiện tổng hợp số liệu toàn tỉnh, trong đó có số liệu an toàn thông tin.

¹⁰ Tập trung triển khai: Triển khai tuyên truyền các nội dung của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam; Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Công điện số 33/CĐ-TTg ngày 07/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng; Công văn số 1737/UBND-KGVX ngày 05/4/2024 của UBND tỉnh về việc tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ trên địa bàn tỉnh.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn về an toàn, an ninh mạng: Các cơ quan chức năng đã tổ chức nhiều đợt thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước hơn 200 lượt cơ quan, doanh nghiệp. Qua kiểm tra, kịp thời phát hiện những sơ hở, thiếu sót, vi phạm để chấn chỉnh, khắc phục, nâng cao hiệu quả, trách nhiệm trong công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ BMNN trên không gian mạng của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động.

7. Chính phủ số

- **Hệ thống báo cáo của tỉnh:** Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh đã được hợp nhất từ ngày 01/7/2025 và triển khai đến các cơ quan, địa phương với hơn 150 biểu mẫu báo đã chuẩn hóa, điện tử hóa trên hệ thống; đã khai báo, cấp, bổ sung tài khoản cho các cơ quan, địa phương hơn 950 tài khoản, đảm bảo cho các cơ quan, địa phương thực hiện các nhiệm vụ nhập liệu, kiểm tra, ký duyệt và gửi báo cáo số liệu trên Hệ thống đảm bảo đúng quy định.

- **Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh:** Đã thực hiện cấp hơn 26.000 (tăng hơn 9.000 user so với trước khi sáp nhập tỉnh) tài khoản đảm bảo cho cán bộ, công chức, viên chức thực hiện xác thực vào các hệ thống dùng chung của tỉnh.

- **Cổng Thông tin điện tử tỉnh:** Đã thực hiện hợp nhất và xây dựng 96 trang thông tin xã. Đây là nền tảng để mỗi xã có một kênh thông tin chính thức, giúp công khai, minh bạch các hoạt động của chính quyền cơ sở đến người dân. Các xã đã cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử xã, đảm bảo người dân có thể tiếp cận thông tin một cách dễ dàng và kịp thời.

- **Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành dùng chung tỉnh Quảng Ngãi:** Đã triển khai đến 100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; cấp hơn 20.000 tài khoản của tổ chức và cá nhân để triển khai xử lý văn bản, hồ sơ trên môi trường mạng (*đến nay kết quả xử lý hồ sơ toàn trình trên môi trường mạng: cấp tỉnh đạt 99,5%; cấp xã đạt trên 98%*).

- **Hệ thống Hội nghị trực tuyến:** Đã kết nối ổn định với 96 xã, phường, đặc khu. Đảm bảo phục vụ tốt các cuộc họp từ UBND tỉnh về cấp xã.

- **Hệ thống Phòng họp không giấy:** Đã triển khai xây dựng Hệ thống phòng họp không giấy và triển khai đến sở, ngành và UBND cấp xã.

- **Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP):** nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tại địa chỉ <https://lgsp.quangngai.gov.vn/intro/index> đã ghi nhận các kết quả đáng chú ý: Tổng số văn bản liên thông: 5.783.656; Tổng số bản tin liên thông NDXP: 4.290.529; Tổng số bản tin liên thông Tư pháp: 54.795.

- **Triển khai chữ ký số:** Việc triển khai chữ ký số trên địa bàn toàn tỉnh (khối chính quyền) đã được đẩy mạnh. Số lượng chứng thư của Tổ chức: 3.441; Số lượng chứng thư cá nhân: 15.480; Số lượng chứng thư số thiết bị dịch vụ phần mềm: 10 chứng thư.

- **Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh:** Tổng số TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia: Cấp Tỉnh 1891 DVCTT/1891 TTHC đạt tỉ lệ 100%; Cấp Xã 384 DVCTT/395 TTHC; chiếm tỷ lệ 97,22%.

+ Đánh giá Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến: TTHC cung cấp DVCTT một phần 1.059 (47,09%) TTHC cung cấp DVCTT toàn trình 987 (43,89%); Còn lại 203

(9,03%). Số lượng tài khoản trên cổng DVCQG được xác thực với CSDL quốc gia về dân cư: 1.065.462.

8. Kinh tế số và Xã hội số

- Toàn tỉnh có 6.900 doanh nghiệp, có khoảng 97% là doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó có 65.47% sử dụng nền tảng số. Có 2.725 doanh nghiệp công nghệ số, trong đó: 1.602 doanh nghiệp có mã ngành kinh tế số ICT và 1.123 doanh nghiệp có mã ngành kinh tế số nền tảng đang hoạt động. Một số doanh nghiệp đã triển khai IoT ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh; một số DN lớn đã triển khai một số mô hình phục vụ sản xuất, thương mại; có 2 doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực sản xuất bán dẫn.

- Duy trì và thúc đẩy hình thành các mô hình Chợ 4.0; Tuyến phố không dùng tiền mặt; Điểm chỉ trả không dùng tiền mặt,.. tại các địa phương trong tỉnh. Việc thanh toán bằng mã QR ngày càng phổ biến trong hoạt động mua, bán của người dân.

- 80% website thương mại điện tử của các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh trên địa bàn tỉnh có tích hợp chức năng đặt hàng trực tuyến; 50% doanh nghiệp vừa và nhỏ tiến hành hoạt động kinh doanh trên các sàn giao dịch TMĐT; 40% doanh nghiệp tham gia hoạt động thương mại điện tử trên các ứng dụng di động; 100% doanh nghiệp có ứng dụng các phần mềm chuyên dụng trong hoạt động quản lý sản xuất và kinh doanh.

- 100% các siêu thị, trung tâm mua sắm và cơ sở phân phối hiện đại cho phép người tiêu dùng thanh toán không dùng tiền mặt khi mua hàng; 90% các đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông và truyền thông trên địa bàn tỉnh triển khai hợp đồng điện tử với người tiêu dùng và chấp nhận thanh toán phí dịch vụ của các hộ gia đình qua phương tiện điện tử.

- 90% cơ sở kinh doanh trong các lĩnh vực thương mại dịch vụ như vận tải, văn hóa, thể thao và du lịch phát triển các kênh giao dịch điện tử phục vụ người tiêu dùng.

- 100% cơ sở giáo dục đã triển khai khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt. Số lượng đơn vị có phát sinh giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 94%.

- 100% cơ sở y tế tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế đang đẩy mạnh phương thức thanh toán viện phí không dùng tiền bằng nhiều hình thức ATM/POS, QR code, điện thoại di động.

9. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

Thường xuyên thực hiện truyền thông về chuyển đổi số trên các kênh truyền hình và các nền tảng số, cụ thể:

- Cập nhật 290 tin, bài, video trên Chuyên trang Chuyển đổi số; 265 tin, bài, video trên Zalo OA Chuyển đổi số; xây dựng 12 Bản tin Chuyển đổi số;

- Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh Quảng Ngãi và Báo Quảng Ngãi đã có chuyên mục riêng về chuyển đổi số tại địa chỉ :<https://quangngaitv.vn/chuyen-doi-so> và trên Kênh phát thanh thực hiện phát sóng định kỳ 01 số/tuần tại; Báo Quảng Ngãi đã có chuyên mục trên báo điện tử và báo in, phát hành tin bài ít nhất 01 số/tuần trên chuyên mục chuyển đổi số trên báo điện tử và báo in của đơn vị.

- Tổ chức phát động, cài đặt ứng dụng di động cho công chức, viên chức và người dân; Truyền thông, tập huấn về chuyển đổi số thông qua các hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp; Đẩy mạnh truyền thông về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng, các nền tảng số và hệ thống truyền thanh cơ sở;

- Truyền thông trực quan thông qua các cuộc thi tìm hiểu về CCHC, chuyển đổi số; cuộc thi Video về chuyển đổi số; các chương trình truyền thông về CCHC, chuyển đổi số bằng hình thức sân khấu hóa.

10. Kinh phí thực hiện chuyển đổi số

Tổng kinh phí trong năm 2025 cho các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh là 187,248 tỷ đồng, trong đó: Nguồn chi thường xuyên: 131,748 tỷ đồng, nguồn vốn đầu tư: 24,5 tỷ đồng, nguồn vốn Trung ương là: 31 tỷ đồng.

11. Tồn tại, hạn chế

- Khối lượng công việc chuyển đổi số thường có yếu tố phát sinh rất lớn nhưng nhân lực cho công tác chuyển đổi số, an toàn thông tin còn thiếu và yếu, việc tuyển dụng rất khó khăn nhất là đối với các đơn vị cấp xã. Việc thay đổi thói quen của người dân trong sử dụng công cụ số cần có thời gian và nhân lực hỗ trợ; nhân lực chuyển đổi số tại các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh là ít và hầu hết là kiêm nhiệm; Tổ Công nghệ số cộng đồng chưa có chế độ, chính sách để hoạt động. Nhận thức về chuyển đổi số của đa số cán bộ lãnh đạo cấp sở, ban ngành và các địa phương tuy đã được nâng cao nhưng kỹ năng lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành về công tác chuyển đổi số còn nhiều hạn chế.

- Việc triển khai các nền tảng số, CSDL, HTTT còn khó khăn do phụ thuộc nhiều vào sự tham gia và năng lực khai thác của các cá nhân, cơ quan, đơn vị. Một số HTTT dùng chung toàn quốc còn chưa đáp ứng nhu cầu khai thác tại địa phương; việc kết nối, chia sẻ dữ liệu còn bất cập, rào cản.

- Mức độ quan tâm về ứng dụng công nghệ số vào hoạt động sản xuất kinh doanh của một số lượng không ít doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh là còn hạn chế. Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 12/QĐ-BKHĐT ngày 07/1/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về phát triển doanh nghiệp công nghệ số theo Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 12/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh còn nhiều khó khăn.

Phụ lục 2
MỤC TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì/Đánh giá
I	Chính quyền số		
1	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến toàn trình, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần	80%	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh
3	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh
4	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh
5	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đủ điều kiện	100%	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh
6	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	95%	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh
7	Tỷ lệ các dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI	30%	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh
8	Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp xã được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc	100%	Văn phòng UBND tỉnh
9	Tỷ lệ chế độ báo cáo của các cơ quan được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo	100%	Văn phòng UBND tỉnh
10	Tỷ lệ nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, ngành, địa phương được theo dõi, giám sát, đánh giá trên môi trường điện tử.	100%	Văn phòng UBND tỉnh
11	Tỷ lệ các cơ quan thuộc hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh triển khai trao đổi, xử lý văn bản mật trên mạng mật của Trung ương	100%	Văn phòng tỉnh ủy; Sở Khoa học và Công nghệ
II	Hạ tầng và dữ liệu số		
1	Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn (dân số)	60%	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Đảm bảo hệ thống mạng nội bộ LAN tại đơn vị, địa phương hoạt động thông suốt và an toàn thông tin	Hoàn thành	Các sở, ban, ngành; UBND các địa

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì/Đánh giá
			phương
3	Tỷ lệ hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh; các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng và liên thông từ Trung ương đến cấp xã	90%	Sở Khoa học và Công nghệ
4	Tỷ lệ Đài truyền thanh cấp xã có Ứng dụng công nghệ (Truyền thanh thông minh)	100%	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các địa phương
5	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương	50%	Sở Khoa học và Công nghệ
6	Tỷ lệ hoàn thành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh	50%	Các sở, ban, ngành; UBND các địa phương
7	Tỷ lệ bộ dữ liệu dùng chung của tỉnh được công khai dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp và nghiên cứu	20%	Các sở, ban, ngành; UBND các địa phương
III	Kinh tế số và Xã hội số		
9	Quy mô kinh tế số chiếm tỉ trọng trong GRDP	12%	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở tài chính; Thống kê Quảng Ngãi
10	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử	80%	Sở Công Thương
11	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	50%	Sở Tài chính; Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN tỉnh
12	Tỷ lệ người dân trưởng thành có tài khoản định danh điện tử mức 2 (VNeID).	87%	Công an tỉnh
13	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	53%	Ngân hàng Nhà nước Khu vực 9
14	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử	15%	Sở Khoa học và Công nghệ
15	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đảm bảo “đúng - đủ - sạch - thống nhất - dùng chung”	83%	Sở Y tế
16	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên toàn tỉnh triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo
IV	An toàn thông tin		

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu năm 2026	Cơ quan chủ trì/Đánh giá
1	Tỷ lệ khai báo, phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ	100%	Công an tỉnh
2	Tỷ lệ các sở, ngành, địa phương triển khai giải pháp sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp khi gặp sự cố, đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ	100%	Các sở, ban, ngành; UBND các địa phương; Đội ứng cứu sự cố mạng máy tính tỉnh.
3	Đảm bảo người dân được tiếp cận thông tin cảnh báo an toàn thông tin	100%	Công an tỉnh
V	Nguồn nhân lực		
1	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản, AI	100%	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ
2	Tỷ lệ Tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động hiệu quả, duy trì tập huấn	100%	UBND các địa phương
3	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên có kế hoạch và triển khai hoạt động phổ cập kỹ năng số cho học sinh	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo
4	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi trưởng thành được tiếp cận, tập huấn, tuyên truyền về kỹ năng số cơ bản	100%	Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành
5	Tỷ lệ người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã được tiếp cận, tập huấn, tuyên truyền về kỹ năng số cơ bản	100%	Sở Nội vụ và các sở, ngành